

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2020/DS-ST
Ngày 12- 8 - 2020
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Công Định

Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Mỹ Nh, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Thanh B;

Địa chỉ: Ấp 8, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/5/2020, nguyên đơn bà Trần Mỹ Nh trình bày: Vào ngày 14/02/2018 ông Trần Thanh B có vay của bà 74.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 6%/tháng, thời hạn vay 01 tháng trả vốn và lãi, có làm giấy nhận nợ nhưng khi đến hạn ông B không trả nên bà có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết ông B thừa nhận số nợ và hứa sẽ trả trong thời hạn 01 tháng nhưng sau đó ông B cũng không thực hiện việc trả nợ cho bà. Nên bà Nh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B trả lại cho bà số tiền vốn đã vay là 74.000.000 đồng và lãi suất tính trong 02 năm x 20%/năm = 29.600.000 đồng, tổng vốn và lãi là 103.600.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm bà Nh chỉ yêu cầu ông B trả tiền vốn 74.000.000 đồng, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông Trần Thanh B, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng ông B không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nh, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Thanh B đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông B.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện đòi lại tiền vốn của bà Nh, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án theo yêu cầu khởi kiện của bà Nh, Tòa án đã thông báo cho ông Trần Thanh B biết việc bà Nh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B phải trả cho bà Nh số tiền vốn vay là 74.000.000 đồng có giấy giao kèo hỏi tiền của ông B đề ngày 09/9/2018, nhưng ông B không có ý kiến gì. Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối ... thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Căn cứ vào điều luật đã viện dẫn có đủ cơ sở kết luận ông B có vay nợ của bà Nh và cũng phù hợp với biên bản hòa giải ngày 10/10/2019 của Tổ hòa giải Ấp 8, xã T, nên việc bà Nh yêu cầu ông B trả lại số tiền vốn vay 74.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Án phí: Ông Trần Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.700.000 đồng (74.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Mỹ Nh. Buộc ông Trần Thanh B trả cho bà Trần Mỹ Nh số tiền vốn 74.000.000 đồng (bảy mươi bốn triệu đồng).

2. Kể từ ngày bà Nh có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền được thi hành án nếu như ông B chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì phải chịu thêm phần lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thi hành án.

3. Về án phí: Ông Trần Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.700.000 đồng (ba triệu bảy trăm nghìn đồng); ông B chưa nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TÒA**
- VKSND huyện Thới Bình;
- THA huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

(đã ký)

Tiêu Hồng Phụng